

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN THÀNH  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182 /2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

“V/V Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Anh Ngọc

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Phan Văn Hưng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024. Tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2024/QĐ-HPT ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1983.

Nơi cư trú: xóm G, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phúc H, sinh ngày 26/8/1978.

Nơi cư trú: Xóm A, xã V ( xã C cũ), huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phúc H sau một quá trình tìm hiểu nhau thì hai bên quyết định tiến tới hôn nhân, được sự đồng ý của hai gia đình, tổ chức cưới hỏi nhau theo phong tập quán. Trước khi cưới bà L, ông H đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã

được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 028/2009 ngày 10/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến đầu năm 2014 thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là quá trình sống chung vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng thường xuyên va chạm với nhau qua lời nói, hành động, gây khó chịu cho nhau. Đến đầu năm 2024 thì mâu thuẫn xảy ra sâu sắc trầm trọng, xác định hôn nhân đổ vỡ bà L và ông H không yêu cầu gia đình hai bên, các tổ chức đoàn thể cũng như chính quyền địa phương hòa giải cho vợ chồng. Từ ngày vợ chồng sống ly thân vợ chồng đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đối với nhau nữa. Bà L xác định không còn tình cảm, tình yêu đối với ông H nữa, dù có hòa giải đến đâu thì bà cũng không đoàn tụ đối với ông H, do vậy đề nghị Tòa giải quyết cho bà ly hôn ông Nguyễn Phúc H.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Công A (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2012 và cháu Nguyễn Hoàng A1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2017. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung sống với chồng và ông bà nội. Nếu ly hôn bà L đề nghị giao cháu lớn cho bà L trực tiếp sóc nuôi dưỡng, giao cháu nhỏ cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì cháu lớn có nguyện vọng sinh sống trực tiếp với mẹ, cháu bé có nguyện vọng sống với bố. Do mỗi bên nuôi mỗi con chung nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Phúc H đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh không hợp tác, nên Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn ông Nguyễn Phúc H. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của bà L trong quá trình giải quyết vụ án thì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phúc H tan rã đổ vỡ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là Tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cư trú tại xã T, huyện Y và bị đơn ông Nguyễn Phúc H có nơi cư trú tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng bị đơn ông Nguyễn Phúc H không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có, bị đơn ông Nguyễn Phúc H tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Phúc H.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa bà L, ông H được các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bà L, ông H tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Lâm Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:028 ngày 10/06/2009 nên xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Phúc H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa bà L, ông H tan rã đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng tính cách lối sống vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng thường xuyên va chạm với nhau qua lời nói, hành động, gây khó chịu cho nhau.

**Hôn nhân giữa bà L ông H được xác định tan rã, đổ vỡ kể từ lúc vợ chồng sống ly thân tức đầu năm năm 2024. Kể từ lúc vợ chồng sống ly thân đến lúc xét xử các bên không có ý thức hòa giải liên lạc để níu kéo hôn nhân.** Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà L, ông H đã thực sự tan rã đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa vợ và chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn của bà L. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phúc H.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân cho đến nay hai con chung của vợ chồng sinh sống trực tiếp với ông H có sự hỗ trợ của bên nội, bà L rất có trách nhiệm đối với hai con chung, con chung được hai bên nuôi dạy tốt phát triển về mọi mặt. Sau khi xem xét yêu cầu của bà L và nguyện vọng của hai con chung thấy rằng: Con lớn của vợ chồng có nguyện vọng sinh sống trực tiếp với mẹ, con nhỏ có nguyện vọng được sinh sống với bố. Do đó bà L đề nghị giao cho bà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Công A (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2012, giao cháu Nguyễn Hoàng A1 (Giới tính:Nam), sinh ngày 10/02/2017 cho ông H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng với pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi cho con chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về

việc đề nghị giao nuôi con của bà Nguyễn Thị L. Do mỗi bên nuôi mỗi con chung nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Hiện nay con lớn được giao cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đang sinh sống với ông H và bên nội, nên sau khi án có hiệu lực ông H phải có nghĩa vụ giao lại cháu Nguyễn Công A (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2012 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về quan hệ tài sản: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Xử:**

1. Về quan hệ tình cảm: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Phúc H.

2. Về quan hệ con chung:

- Giao con chung cháu Nguyễn Công A (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2012 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành( 18 tuổi).

- Giao con chung cháu Nguyễn Hoàng A1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2017 cho ông Nguyễn Phúc H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành(18 tuổi).

Do mỗi bên nuôi mỗi con chung, nên bà L ông H phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Bà L, ông H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Hiện nay cháu Nguyễn Công A (Giới tính: Nam), sinh ngày 01/01/2012 đang sinh sống với ông H và bên nội, nên sau khi án có hiệu lực ông H phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Công A, sinh ngày 01/01/2012 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Bà Nguyễn Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí bà L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0002316 ngày 02/11/2023, bà L đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

**Nơi nhận:**

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành,
- CC THA DS H. Yên Thành,
- TAND tỉnh Nghệ An,
- VKSND tỉnh Nghệ An,
- Lưu HSVA,
- UBND xã Trung Thành ( Nơi ĐKKH),

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Anh Ngọc**